



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
(Mã chứng khoán PJT)
Tầng 7, Tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 3.8991101, Fax: 3.5121775

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

TP. Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2015

Mục lục

Phần A: TỔNG QUAN CÔNG TY	3
I. Thông tin chung	3
II. Quá trình hình thành và quá trình phát triển	3
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
IV. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	6
V. Định hướng phát triển	7
VI. Các rủi ro	8
Phần B: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	8
I. Tình hình sản xuất kinh doanh	8
II. Tổ chức và nhân sự	10
III. Tình hình đầu tư và tình hình thực hiện các dự án	13
IV. Tình hình tài chính	14
V. Cơ cấu cổ đông	15
Phần C: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	15
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15
II. Tình hình tài chính – Công nợ	17
III. Định hướng thực hiện kế hoạch	18
Phần D: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
I. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	19
II. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	21
III. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	21
Phần Đ: QUẢN TRỊ CÔNG TY	21
I. Hội đồng quản trị Công ty	22
II. Ban kiểm soát	23
III. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	23
Phần E: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	24



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Phần A. TỔNG QUAN CÔNG TY

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên giao dịch tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**
- Tên giao dịch đối ngoại: **PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY**
- Tên viết tắt: **PJTACO**
- Trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 3 899 1101 Fax: (84.8) 3 512 1775
- Email : pjtaco@pjtaco.com.vn
- Website : <http://www.pjtaco.petrokimex.com.vn>
- Mã cổ phiếu : **PJT**

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1) Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Vận tải xăng dầu đường sông, được thành lập từ cơ sở sáp nhập Xí Nghiệp Sửa chữa tàu Bình Chánh và bộ phận vận tải xăng dầu đường sông của Công ty Vận tải xăng dầu (VITACO) trực thuộc Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam. (Nay là Tập đoàn xăng dầu Việt Nam). Ngành nghề kinh doanh chính là sửa chữa tàu, đóng tàu và vận tải xăng dầu đường sông.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, năm 1999 Xí nghiệp Vận tải xăng dầu đường sông được chuyển thành Công ty cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex theo Quyết định số 151/1999/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính Phủ. Công ty là thành viên của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, hoạt động với mức vốn điều lệ ban đầu là 13,5 tỷ đồng, trong đó Tập đoàn xăng dầu Việt Nam góp 30%, phần còn lại là của các cổ đông trong công ty và của các cổ đông khác ở các đơn vị trong cùng tập đoàn.

Năm 1999 khi Công ty thành lập, vốn điều lệ là 13,5 tỷ đồng. Với mức vốn này không đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động của công ty, gây không ít khó khăn cho sự phát triển của công ty.

Năm 2003, công ty đã tăng vốn điều lệ lên 14,596 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 35% vốn điều lệ.

Năm 2004, vốn điều lệ của công ty là 19,370 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21% vốn điều lệ.

Năm 2006, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 35 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21% vốn điều lệ.

Ngày 28/12/2006 cổ phiếu của Công ty (PJT) được niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Năm 2008, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 70 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21 % vốn điều lệ.

Năm 2009, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 84 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam (Năm 2012 là Tập đoàn xăng dầu Việt Nam) chiếm 51,21 % vốn điều lệ.

Năm 2013, vốn điều lệ Công ty tăng lên 96.599.020.000 đồng, trong đó Tập đoàn xăng dầu Việt Nam chuyển giao quyền quản lý vốn Nhà nước sang cho Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex (thuộc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam), Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex trở thành cổ đông chi phối với tỷ lệ sở hữu cổ phần là 51,21 % vốn điều lệ.

Năm 2014, vốn điều lệ Công ty tăng lên 108.172.380.000 đồng, trong đó Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex (thuộc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam) là cổ đông chi phối với tỷ lệ sở hữu cổ phần là 51,22 % vốn điều lệ.

2) Những sự kiện quan trọng khác:

Bên cạnh việc duy trì các hoạt động kinh doanh truyền thống như sửa chữa tàu, đóng tàu và vận tải xăng dầu đường sông nội địa và quốc tế (Campuchia). Năm 2000, Công ty tiến bước vào thị trường vận tải xăng dầu ven biển. Đây là một quyết định mang ý nghĩa đột phá, nhờ đó Công ty đã có những bước phát triển mạnh cả về lượng và về chất. Năm 2013, Công ty lần đầu tiên sở hữu, quản lý khai thác một tàu biển chở dầu trọng tải 7.725 DWT đạt tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật của cảng dầu quốc tế.

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1) Vận tải xăng dầu ven biển Việt Nam:

Năm 2000, Công ty đã đầu tư hoán cải hai tàu sông thành tàu chạy ven biển có trọng tải 750 tấn và 338 tấn;

Năm 2003, tiếp tục đầu tư hoán cải một tàu sông thành tàu chạy ven biển có trọng tải 600 tấn.

Năm 2004 Công ty đầu tư mua một tàu chạy ven biển có trọng tải 700 tấn;

Năm 2006 Công ty đầu tư mua một tàu ven biển trọng tải hơn 2.000 tấn,

Năm 2008 Công ty đầu tư mua 01 tàu ven biển vận chuyển hàng khô có trọng tải 3.242 tấn và 01 tàu vận chuyển xăng dầu ven biển có trọng tải 1.600 tấn.

Năm 2010 Công ty đầu tư mua 02 tàu vận chuyển xăng dầu ven biển: Tàu Long Phú 03 trọng tải 1700 DWT và tàu Long Phú 04 có trọng tải 2.800 DWT.

Năm 2011 Công ty bán tàu biển vận tải hàng khô trọng tải 3.242 tấn để tập trung lĩnh vực vận tải xăng dầu các loại, không tham gia vận tải các loại hàng khác.

Năm 2012, Công ty đầu tư mua thêm 3 tàu chở xăng dầu trong đó có 01 tàu biển Long Phú 09 trọng tải 4.993 DWT.

Năm 2013, Công ty thanh lý tàu Long Phú 02, đầu tư mua nhập khẩu tàu Long Phú 10 trọng tải 7.725 DWT.

Năm 2014, Công ty tiếp tục đầu tư mua tàu Long Phú 18 trọng tải 4.999 DWT.

Đến nay đội tàu vận chuyển xăng dầu đường biển của Công ty hoạt động đạt hiệu quả cao, đã cho thấy rằng chiến lược đầu tư phát triển vận tải ven biển của công ty là đúng hướng.

2) Vận tải xăng dầu đường thủy:

Ngoài ra, để phát triển thị trường vận tải đường thủy và nâng cao chất lượng đội tàu, năm 2003 công ty đã đầu tư mua hai tàu sông có trọng tải 1.000 tấn/ chiếc có chất lượng và tính năng kỹ thuật cao; năm 2006 công ty đầu tư đóng 02 tàu sông trọng tải 1000 tấn/chiếc, năm 2007 công ty đầu tư đóng 01 tàu sông trọng tải 1400 tấn (các tàu đều do Công ty đóng). Năm 2011, Công ty đầu tư mua 01 tàu sông chở xăng dầu, trọng tải 1.200 tấn; Năm 2012 mua thêm 02 tàu sông Hàm Luông 12, Hàm Luông 14 mỗi chiếc trọng tải 720DWT.

Năm 2013, nguồn hàng vận tải đường sông sụt giảm mạnh do các chủ hàng đầu mỗi thay đổi cơ cấu tạo nguồn, năng lực đội tàu sông của Công ty dư thừa 70%. Công ty thực hiện bán thanh lý các tàu già, trọng tải nhỏ: Hàm Luông 05, Hàm Luông 06, Hàm Luông 07.

Năm 2014, thanh lý tàu sông Rạch Chiếc 01, Hàm Luông 01, Hàm Luông 03.

3) Ngành kinh doanh dịch vụ cơ khí và xử lý chất thải:

Bên cạnh việc phát triển về kinh doanh vận tải xăng dầu, công ty tiếp tục phát triển và mở rộng thị trường sửa chữa tàu-đóng tàu, tăng cường công tác tiếp thị, xây dựng giá thành có tính cạnh tranh đối với các đơn vị khác. Để tăng tính chủ động trong kinh doanh cho Xí nghiệp Sửa chữa đóng tàu Bình Chánh, công ty đã quyết định nâng cấp từ hạch toán báo sổ thành hạch toán kế toán phụ thuộc và đổi tên thành Xí nghiệp đóng tàu - thương mại Petrolimex. Năm 2008 thành lập Công ty TNHH một thành viên đóng tàu và thương mại Petrolimex (hoạt động từ 01-01-2008) trên cơ sở Xí nghiệp đóng tàu – thương mại Petrolimex.

Tháng 4/2005, Công ty đầu tư san lấp mặt bằng và cơ sở hạ tầng cho khu đất rộng 20.000 m² tại Bờ Bàng, Phú Xuân, Nhà Bè và thành lập Xưởng Sửa chữa tàu Phú Xuân. Nay là Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên đóng và thương mại Petrolimex. Năm 2008 Công ty đầu tư xây dựng 01 đường triển tại Xưởng Phú Xuân Nhà Bè để phục vụ cho sửa

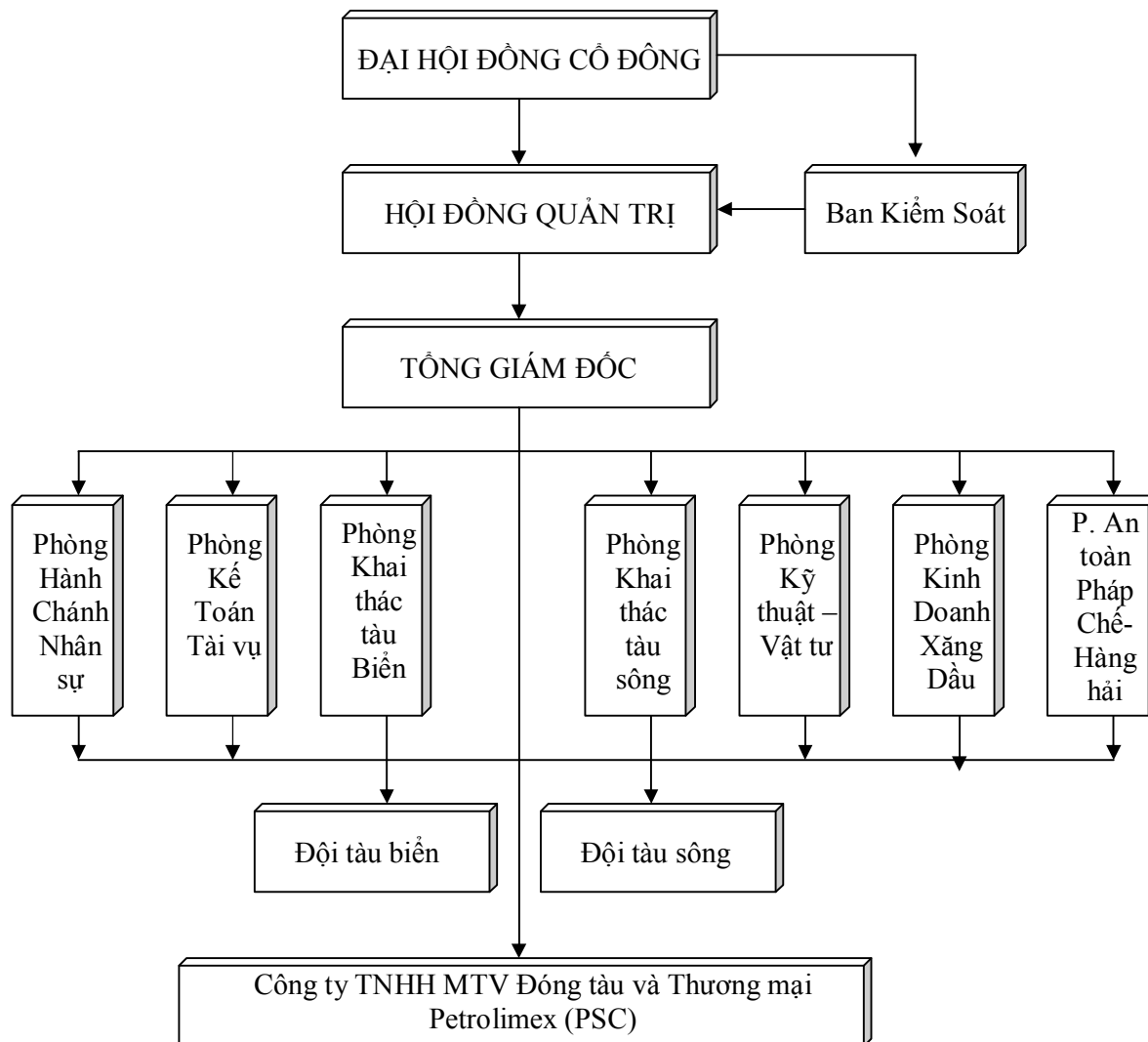
chữa tàu và đóng tàu. Từ năm 2012, Trung tâm xử lý chất thải nhiễm dầu tại xưởng Phú Xuân đi vào hoạt động và ngày càng hoạt động có hiệu quả.

4) Ngành kinh doanh xăng dầu:

Trên cơ sở Phòng Thương mại và lợi thế của đội tàu vận tải xăng dầu, ngày 01/01/2005, Hội đồng quản trị công ty đã ra quyết định thành lập “Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex” hạch toán kế toán phụ thuộc, tháng 08-2006 chuyển thành Công ty TNHH một thành viên thương mại và vận tải Petrolimex chuyên kinh doanh xăng dầu, cung cấp xăng dầu cho các tàu vận tải, các hộ công nghiệp và có 3 cửa hàng bán lẻ xăng dầu. Năm 2010 Công ty trả lại mặt bằng, chấm dứt hoạt động 1 cửa hàng bán lẻ tại quận 9 TP.HCM vì không có hiệu quả. Năm 2010, Hội đồng Quản trị quyết định tạm ngừng các hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên thương mại và vận tải Petrolimex vì thua lỗ. Năm 2013, Công ty giải thể Công ty TNHH một thành viên thương mại và vận tải Petrolimex theo quy định của pháp luật. Năm 2014, Công ty quyết định chấm dứt hoạt động của 2 cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại Gò Vấp và Long An.

IV. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ:

1. Mô hình quản trị:



- Các Công ty liên quan:
- + Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex (thuộc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam) nắm giữ 51,22 % Vốn điều lệ của Công ty.

2. Công ty con: Công ty TNHH một thành viên đóng tàu và thương mại Petrolimex

- Địa chỉ: 70 Đường 20, Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sửa chữa, đóng mới các phương tiện thủy.
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 10.000.000.000 đồng

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.

Duy trì, phát triển uy tín, hình ảnh, thương hiệu PJTACO trên thương trường.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

2.1. Chiến lược phát triển công ty mẹ:

Định hướng chiến lược phát triển Công ty mẹ với các ngành kinh doanh chủ lực là:

Xây dựng và phát triển Công ty thành một doanh nghiệp có đội tàu sông biển hiện đại, mang tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và trở thành doanh nghiệp đứng đầu về vận tải nội địa và Campuchia, từng bước phát triển thị trường trong khu vực.

Củng cố, mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân là đối tác chiến lược về thị trường hàng hóa nội địa và quốc tế, tăng cường liên kết, mời gọi đầu tư. Để đáp ứng các yêu cầu về chiến lược phát triển, công ty phải xây dựng chính sách thu hút mời gọi các cổ đông chiến lược về thị trường, quản lý, nhân sự, thương hiệu, tham gia góp vốn/ liên doanh liên kết để nâng quy mô của công ty lớn hơn hiện nay. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, trình độ và công nhân có tay nghề cao.

Công ty đã và đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn Bộ luật ISM Code của tổ chức hàng hải quốc tế cho đội tàu của Công ty, Công ước lao động hàng hải quốc tế MLC2006 để đáp ứng các yêu cầu quản lý của Nhà nước và của các cảng dầu quốc tế.

2.2. Chiến lược phát triển các công ty thành viên:

Ngành kinh doanh chủ yếu là đóng mới phương tiện thủy, cơ khí sửa chữa, xử lý chất thải nhiễm dầu và các dịch vụ liên quan đến ngành vận tải xăng dầu.

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Là một công ty cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp, Công ty luôn chú trọng đến nhân tố con người, xác định đây là yếu tố quan trọng giúp cho công ty phát triển, tuyển chọn những người có năng lực, trình độ và có tâm huyết với công ty. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, tuyển chọn người có năng lực trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ và lao động của công ty; chăm lo đời sống, điều kiện làm việc, thực hiện chế độ chính sách cho người lao động. Đồng thời Công ty tích cực tham gia các công tác xã hội, vì cộng đồng, xã hội.

VI. CÁC RỦI RO:

- Vận tải đường thủy chịu tác động của điều kiện thiên nhiên như: mưa, bão, lũ lụt. Các yếu tố thiên nhiên diễn ra không tuân theo một quy luật nhất định nào. Đặc biệt trong điều kiện thời tiết khí hậu hiện nay có nhiều biến đổi bất thường. Trong quá trình vận chuyển đôi khi rủi ro đâm ra và trục trặc kỹ thuật vẫn có khả năng xảy ra. Các tàu biển hoạt động tương đối độc lập giữa vùng không gian rộng lớn, nếu xảy ra sự cố thì có thể việc cứu hộ, cứu nạn rất khó khăn. Đối tượng hàng hóa vận chuyển của Công ty là xăng dầu nên trị giá tàu chuyên dụng và giá trị hàng hóa mà nó vận chuyển là rất lớn, các nguy cơ như cháy nổ, ô nhiễm môi trường nên nếu rủi ro xảy ra tổn thất là khôn lường.

- Để giảm thiểu nguy cơ hàng hải đồng thời kịp thời khắc phục kịp thời những rủi ro, tổn thất nếu xảy ra, Công ty thực hiện hiện đại hoá, nâng cao chất lượng các đội tàu, thực hiện chính sách quản lý an toàn theo Bộ luật ISM Code và thực hiện mua bảo hiểm cho con người, đội tàu, hàng hóa và môi trường.

Phần B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Đặc điểm tình hình:

1.1. Tình hình thị trường vận tải xăng dầu nội địa:

- Trong năm 2014, tình hình chính trị ở những nước xuất khẩu dầu mỏ có những căng thẳng gia tăng. Áp lực tăng giá trở lại đối với giá cả hàng hóa toàn cầu trong đó có giá xăng dầu là mối nguy cơ lớn đối với sự phục hồi của nền kinh tế.

- Do vậy Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex (PJTACO) đánh giá, phân tích sâu những yếu tố khách quan, chủ quan tác động đến kết quả hoạt động SXKD trong 9 tháng đầu năm 2014 và dự báo tình hình thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2014 báo cáo Tập đoàn và Tổng Công ty.

1.2. Đối thủ kinh doanh:

Sự mất cân đối, cung lớn hơn cầu trong lĩnh vực vận tải do tình trạng đầu tư thiếu quy hoạch xảy ra ở các Công ty vận tải trong nước dẫn đến sự cạnh tranh hết sức quyết liệt.

1.3. Những yếu tố thuận lợi và khó khăn:

Năm 2014, tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực chung, quyết tâm cao, tận dụng tốt cơ hội kinh doanh, đầu tư, Công ty từng bước thực hiện đúng tiến độ các chỉ tiêu kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận, vốn kinh doanh được bảo toàn.

a) Thuận lợi:

- Được sự hỗ trợ của Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam và Tổng Công ty Vận Tải Thủy Petrolimex về thị trường, tài chính, kinh doanh và nghiệp vụ quản lý.
- Mọi liên kết lãnh đạo quản lý giữa: Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên được củng cố vững chắc bằng sự đồng thuận, bàn bạc để thống nhất và đạt hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ chung.
- Bộ máy quản lý điều hành tinh gọn, cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, trách nhiệm cao; Đội ngũ lao động trực tiếp có kinh nghiệm và gắn bó với doanh nghiệp.
- Đội tàu vận tải của công ty được chú trọng tái cơ cấu, đầu tư mới nên đáp ứng yêu cầu đa dạng của khách hàng; góp phần duy trì sản lượng và tạo nền tảng để Công ty tiếp tục thực hiện kế hoạch tái cơ cấu đội tàu theo hướng trẻ hóa, hiện đại hóa.

b) Khó khăn:

- Do Tập đoàn và các đầu mối nhập khẩu và bán xăng dầu thay đổi phương thức tạo nguồn, nhập thẳng xăng dầu từ tàu biển về các kho nội địa tuyến 2, tuyến 3 (là nguồn vận tải chính của đội tàu Công ty) nên sản lượng các tuyến vận tải này giảm mạnh từ năm 2013, 2014, vì vậy năng lực đội tàu sông của PJTACO dư thừa khoảng 60% trọng tải. Hàng bán tái xuất từ Việt Nam đi Campuchia bằng đường thủy giảm nhiều.
- Do cạnh tranh gay gắt, mức độ rủi ro cao đồng thời nguồn lực tài chính của Công ty hạn chế nên khó đáp ứng yêu cầu về thời gian bán hàng trả chậm của khách hàng nên Công ty không bán buôn xăng dầu. Về bán lẻ xăng dầu: với 2 cửa hàng kinh doanh bán lẻ là cửa hàng do Công ty thuê, hoạt động đơn lẻ, sản lượng thấp, giá xăng dầu liên tục điều chỉnh giảm do đó cửa hàng kinh doanh không hiệu quả và có cửa hàng còn bị lỗ; do đó Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định ngừng kinh doanh. Do đó sản lượng kinh doanh xăng dầu chỉ bằng 19% so với năm 2013.
- Sửa chữa, đóng mới phương tiện thủy, vệ sinh súc rửa tàu dầu, xử lý chất thải nhiễm dầu không tăng.

2. Đánh giá kết quả:

- Năm 2014, mặc dù Công ty triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức; cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt; thị trường vận tải cung vượt cầu; giá xăng dầu thế giới và trong nước liên tục giảm, đặc biệt trong những tháng cuối năm; Giá cước vận tải phải giảm theo giá xăng dầu nhưng giá vật tư, phí dịch vụ đầu vào cho sản xuất kinh doanh đều tăng từ 5-30%. Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể Cán bộ lao động, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD do ĐHCĐ năm 2014 giao.
- Kinh doanh vận tải: Duy trì ổn định nguồn hàng trong ngành; Linh hoạt, tư duy khoa học để tiếp thị, phát triển thị phần vận tải ngoài Petrolimex (tăng 55% so kế hoạch khai thác hàng ngoài Tập đoàn).
- Do kinh tế suy thoái nên doanh thu lĩnh vực cơ khí đóng mới là không có, hạng mục sửa chữa cũng rất hạn chế, trong khi đó quy mô Công ty nhỏ, trang thiết bị cũ kỹ, triển ụ hạn chế, sức cạnh tranh thấp nhưng nhờ chuyển hướng linh hoạt sang khai thác ngành dịch vụ súc rửa tàu dầu, xử lý chất thải lỏng và rắn nhiễm dầu của Công ty nên doanh thu, lợi nhuận được đảm bảo đạt 100% so kế hoạch.

- Thực hiện quy chế quản trị của Công ty: Thực hiện tốt công tác lãnh đạo quản lý, đảm bảo chất lượng quản trị Công ty, rà soát, soạn thảo, bổ sung các Quy chế quản lý Công ty phù hợp với các văn bản pháp luật mới ban hành tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động quản lý điều hành SXKD của Công ty được thuận lợi.
- Lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính (vận tải) đạt 130% so với kế hoạch và tăng 38% so năm 2013; sản lượng vận tải đường sông giảm và chi phí tài chính tăng nhưng sản lượng vận tải ven biển tăng.

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. Danh sách Ban điều hành:

Ông PHAN VĂN KỶ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành Công ty

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12-09-1957
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : 32-33L, Khu Miếu Nổi, P.3, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 35121780
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :
 - + 3/1975 – 5/1981 : Quân nhân, công tác tại hạm đội 171 Hải quân.
 - + 6/1981 – 9/1999 : Sĩ quan hàng hải, Trưởng phòng kinh doanh Xí nghiệp đường sông Công ty VITACO.
 - + 10/1999 đến 4/2002 : Phó Giám đốc Công ty.
 - + 4/2002 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex.
- Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần: 31.557 cổ phiếu chiếm 0.29%

Bà ĐẶNG THỊ XUÂN HƯƠNG: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 03/03/1968
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thuận An, Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 81/9 Nguyễn Đình Chiểu, Q3, TP HCM
- Số điện thoại liên lạc : 38405249, 0903625165
- Trình độ văn hóa : Đại học

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Tài chính
- Quá trình công tác :
 - + 1990 đến 1995: Công tác tại Phòng Kế toán Xí nghiệp sửa chữa thuộc Công ty VITACO
 - + 1995 đến 1999: Công tác tại Phòng kế toán Xí nghiệp vận tải xăng dầu đường sông thuộc Công ty VITACO
 - + 1999 đến 12/2009: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex
 - + 12/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Cty
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần : 12.886 cổ phiếu chiếm 0,12%

Ông BÙI HOÀNG HÀO: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng hành Chánh – Nhân sự Công ty

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06-06-1960
- Nơi sinh: Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 96 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM
- Quê quán: Quảng Nam
- Số ĐT liên lạc: 08.38991101 - 0932189202
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Lao động- Tiền lương.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/1984 đến 04/1987 - Chuyên viên phòng Tổ chức – Hành chính Công ty vận tải nhiên liệu VITACO
 - + Từ 5/1987 đến 09/ 1992 - Trưởng ban nhân chính, Xí nghiệp dịch vụ đóng tàu Bình Chánh, VITACO
 - + Từ 10/1992 đến 09/1995 - Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành Chánh xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex
- Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành Chánh công ty CP. vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex
 - + Từ 10/1995 đến 03/2004 - Trưởng phòng Tổ chức – Hành chánh công ty CP. Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex PJTACO.
 - + Từ 04/2004 đến nay - Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng phòng Hành chánh – Nhân sự Công ty
- Chức vụ công tác hiện nay Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng phòng hành chánh – Nhân sự Công ty cổ phần vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex, Chủ tịch Công đoàn.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần : 10.000 cổ phiếu chiếm 0,09%

Ông ĐỖ VĂN LONG: Thành viên HĐQT – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV đóng tàu và thương mại Petrolimex (Công ty con).

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25-06-1962
- Nơi sinh : Thụy Lôi, Tiên Lữ, Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thụy Lôi, Tiên Lữ, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 8A/A17 Thái Văn Lung, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 37266326 - 0903918047
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đóng tàu thủy
- Quá trình công tác :
 - + 1987 – 1989 : Tổ phó tổ thợ hàn
 - + 1989 – 1992 : Kỹ sư - Chủ nhiệm công trình
 - + 1992 – 1999 : Quản đốc Xưởng Phú Xuân
 - + 1999 – 2002 : Quản đốc Xưởng Bình Chánh
 - + 2002 – 2007 : Giám đốc XN Đóng tàu – Thương mại Petrolimex
 - + 2008 – nay : Giám đốc Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên đóng tàu và thương mại Petrolimex.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần : 35.886 cổ phiếu chiếm 0.33%

2. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:

Tiền lương: Trả lương theo hệ số chức danh (quy định chức danh của Nhà Nước) và theo kết quả kinh doanh của Công ty.

Tiền thưởng: Tiền thưởng trích từ quỹ khen thưởng của Công ty.

Các quyền lợi khác: Ban Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT được hưởng mức thù lao của thành viên HĐQT do Đại Hội đồng cổ đông quyết định hàng năm.

3. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc:

- Tháng 4/2014, ông Nguyễn Tiến Dũng thôi làm Trưởng ban kiểm soát và ông Đặng Quang Tuấn – Kế toán trưởng Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex thay thế làm Trưởng ban kiểm soát Công ty.

- Tháng 11/2014, ông Nguyễn Quang Hiếu thôi giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty không có biến động nhiều giữa đầu kỳ và cuối kỳ nhưng cơ cấu lao động tại các lĩnh vực kinh doanh của Công ty có sự chuyển dịch. Năm 2014, Công ty thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực hoạt động kinh doanh: đầu tư thêm 1 tàu biển, thanh lý 3 tàu sông, chấm dứt hoạt động 2 cửa hàng bán lẻ xăng dầu nên số lao động ngành vận tải biển tăng tương đương số lao động giảm ở các ngành kinh doanh khác.

- Chất lượng đội ngũ thuyền viên từng bước được nâng cao, chứng minh qua công tác tiếp nhận, quản lý khai thác, vận hành tàu Long Phú 10, Long Phú 18.

- Tổng số cán bộ, lao động tính đến 31/12/2014 là 396 người, thu nhập bình quân 9,5 triệu (tăng 19% so với kế hoạch).

- Chính sách đối với cán bộ, nhân viên: Thực hiện đầy đủ các quyền lợi cho người theo quy định của Nhà Nước và thu nhập của người lao động được trả theo năng suất lao động.

5. Chính sách lương thưởng:

Việc phân phối tiền lương cho người lao động được thực hiện công khai và dân chủ theo Quy chế Trả lương của Công ty. Quy chế này được xây dựng để đảm bảo phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và vị trí công việc của từng người, khuyến khích được cán bộ, lao động làm việc tích cực, sáng tạo. Tổng quỹ lương hàng năm được xác định trên cơ sở Đơn giá tiền lương được Hội đồng Quản trị phê duyệt hàng năm. Tiền lương hàng tháng luôn được trả đầy đủ, đúng thời gian. Hàng năm, Công ty có xét nâng bậc lương, hoặc chuyển ngạch lương cho người lao động hội đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước và của Công ty. Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được Công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị bảo hộ, an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng đầy đủ. Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể, việc xét thưởng căn cứ vào thành tích trong lao động, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, có thành tích chống tiêu cực, trong thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí.

6. Chính sách đào tạo:

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên để thường xuyên nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của hoạt động SXKD. Về lĩnh vực đào tạo, Công ty chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo về khoa học quản lý và đào tạo tiếng Anh, hoặc tin học. Khi có chính sách mới thì đào tạo để phổ biến về các chế độ, chính sách của Nhà nước. Công ty cũng chú ý đào tạo nội bộ, với việc mở lớp tại Công ty do các cán bộ Công ty có kinh nghiệm giảng dạy. Hàng năm, Công ty đều lên kế hoạch đào tạo nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ – TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

Triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 về phê duyệt chủ trương đầu tư mua tàu biển trọng tải dưới 10.000 DWT, Công ty đã hoàn thành dự án và đưa tàu vào khai thác các tuyến biển nội địa. Các thông số kinh tế kỹ thuật cơ bản về tàu đầu tư như sau:

1. Tên tàu : SÔNG CHÂU 3
2. Số IMO : 9218703
3. Tên Chủ tàu : Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu
4. Quốc tịch/Cảng đăng ký : Việt Nam/Sài Gòn
5. Loại tàu : M/T tàu chở dầu
6. Nơi đóng : Hàn Quốc
7. Năm đóng : 10/2000
8. Trọng tải toàn phần : 4999 DWT
9. Giá trị đầu tư mua tàu là: **3,3 triệu USD** (*Ba triệu, ba trăm ngàn Đô la Mỹ*)

Trong đó:

- + Vốn Chủ sở hữu : chiếm tỷ lệ 30 %
- + Vốn vay Ngân hàng : chiếm tỷ lệ 70%

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

1. Vốn điều lệ:

- Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2014 về phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013 là 8% /vốn điều lệ và cổ phiếu thưởng 4%/vốn điều lệ, trên cơ sở đó Vốn Điều lệ Công ty tăng từ 96,6 tỷ đồng tăng thành 108,172 tỷ đồng. Thời điểm tăng vốn: tháng 8/2014.

- Tháng 12/2014: chi tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng tiền, tỷ lệ 4%/Vốn điều lệ, tổng số tiền chi trả 4,32 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	234,156,556,491	286.279.880.144	122%
Doanh thu thuần	354,861,358,333	371.541.179.106	105%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10,639,723,313	14.866.947.473	140%
Lợi nhuận khác	4,278,770,247	5.215.021.007	122%
Lợi nhuận trước thuế	14,918,493,560	20.081.968.480	135%
Lợi nhuận sau thuế	11,242,604,976	15.307.818.209	136%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8%	8%	100%

3. Các chỉ tiêu tài chính:

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.70	1.4	
+ Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ-HTK/Nợ ngắn hạn	1.31	1.1	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.50	0.55	

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.20	1,25	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho bình quân	25.3	22.0	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.5	1.3	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	3.2%	4,1%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	11.6%	14.5%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	4.8%	5.4%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3.0%	4.0%	

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

1. Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.817.238 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.750.469 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần hạn chế lưu hành theo quy định của pháp luật: 66.769 cổ phiếu

2. Cơ cấu cổ đông:

STT	CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU SỞ HỮU		Ghi chú
		SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ	
I	Cổ đông Nhà nước	5.540.858	51,22%	
	Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	5.540.858	51,22%	
II	Cổ đông khác	5.276.380	48,78%	

- Cơ cấu cổ đông theo tính chất nguồn vốn:

STT	CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU SỞ HỮU		Ghi chú
		SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ	
I	Trong nước	9.218.006	85,21%	
1	Tổ chức	5.618.061	51,93%	
2	Cá nhân	3.599.945	33,28%	
II	Nước ngoài	1.599.232	14,79%	
1	Tổ chức	1.427.588	1,25%	
2	Cá nhân	171.644	13,20%	

Phần C. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Công tác tổ chức, quản lý điều hành Công ty:

- Thay đổi cả về lượng và chất về qui mô sản xuất kinh doanh của Công ty, chuyển đổi nhanh từ một doanh nghiệp vận tải đường sông thành một doanh nghiệp vận tải đa dạng, chuyên nghiệp gồm vận tải biển vận tải đường sông.

- Được Tập đoàn XDVN và Tổng Công ty đánh giá:

+ Là Công ty có mô hình tổ chức quản lý, điều hành gọn nhẹ, chất lượng.

+ Kết quả SXKD đứng trong top những đơn vị có hiệu quả cao của Tập đoàn và Tổng Công ty với tỷ suất lợi nhuận và các chỉ tiêu kinh tế vượt trội.

+ Được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn hàng hải ISM Code theo tiêu chuẩn quốc tế của Tổ chức hàng hải thế giới IMO.

+ Đội tàu biển Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn vào Cảng quốc tế Dung Quất.

- Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành Công ty theo nguyên tắc: Tuân thủ các quy định, chuẩn mực của Nhà nước; Quy chế quản lý Công ty; Tiết kiệm, tích lũy nguồn vốn để đầu tư phát triển Công ty nhằm đem lại lợi ích cả trước mắt và lâu dài cho cổ đông.

2. Công tác cán bộ, lao động, tiền lương:

a. Công tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực:

- Tuyển dụng, chọn lọc nhân sự đáp ứng các yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo thỏa mãn các công ước, điều kiện khai thác an toàn theo quy định.

- Tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập về nghiệp vụ an toàn, an ninh theo tiêu chuẩn quốc tế cho cán bộ, thuyền viên.

b. Công tác lao động, tiền lương:

- Số lượng lao động cơ bản không biến động, nhưng cơ cấu lao động có sự chuyển dịch từ lĩnh vực vận tải sông sang lĩnh vực vận tải biển. Thu nhập bình quân của người lao động đạt 9,5 triệu đồng/người/tháng đạt 119% kế hoạch và cao hơn 22% so năm 2013.

- Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần và thực hiện các chế độ theo quy định pháp luật, đảm bảo sức khỏe, lợi ích khác cho người lao động.

3. Công tác quản lý an toàn, pháp chế hàng hải:

- Tích hợp Bộ luật quản lý an toàn ISM của Tổ chức hàng hải thế giới (IMO) và Công ước lao động hàng hải quốc tế MLC2006 thành Hệ thống quản lý an toàn lao động hàng hải để áp dụng trong quản lý vận tải. Duy trì thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn hàng hải, phòng chống cháy nổ của Nhà nước, Tập đoàn, Tổng Công ty và Công ty.

- Phối hợp với các đơn vị, khách hàng tổ chức diễn tập cứu sinh, cứu hỏa, xử lý các tình huống khẩn cấp.

4. Công tác quản lý kỹ thuật và đầu tư phát triển:

a) Thực hiện chiến lược tái cơ cấu đội tàu:

- Bán thanh lý 3 tàu sông (giảm trọng tải đội tàu sông 1.600 tấn), đầu tư mua tàu biển Long Phú 18 (trọng tải 6.500 tấn) năng lực vận tải đội tàu biển tăng 32%.

- Công ty đang tiếp tục nghiên cứu các dự án đầu tư để thay thế đội tài già, trọng tải nhỏ không còn phù hợp yêu cầu an toàn kỹ thuật.

b) Công tác quản lý kỹ thuật, vật tư:

- Công tác quản lý kỹ thuật, vật tư được tổ chức thực hiện theo các quy định và thông lệ tốt nhất nhằm tiết giảm chi phí về nguyên, nhiên, vật liệu tăng hiệu quả kinh doanh.

- Công tác sửa chữa lớn các tàu được thực hiện một cách khoa học, chặt chẽ, Việc nghiệm thu công trình được thực hiện với yêu cầu nghiêm ngặt của Đăng kiểm NK và Đăng kiểm VR.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng, thay mới, cấp mới các trang thiết bị hành hải, phòng cháy chữa cháy, an toàn, an ninh, cứu sinh, cứu hỏa; hệ thống công nghệ làm hàng, hệ thống thông tin liên lạc... luôn được quan tâm thực hiện quá trình tác nghiệp hàng hóa và điều động tàu.

5. Công tác quản lý tài chính kế toán:

- Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được bảo toàn và phát triển, không phát sinh nợ khó đòi, không để xảy ra mất an toàn về tài chính. Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, góp phần tăng thu nhập tài chính. Thực hiện tốt việc thu xếp vốn cho công tác đầu tư tài sản.

- Áp dụng các chuẩn mực của Nhà nước, các định mức kinh tế kỹ thuật vào quá trình quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty; Minh bạch hóa thu chi, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

6. Hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội ở Công ty:

- Đảng bộ Công ty là hạt nhân lãnh đạo, luôn phối kết hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban chấp hành Công đoàn và Đoàn thanh niên lãnh đạo đoàn viên và người lao động thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nhiệm vụ chính trị xã hội khác của Công ty.

- Năm 2013, Công ty được Tập đoàn, Tổng Công ty xét đề nghị Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng 3 cho tập thể Cán bộ, lao động Công ty để ghi nhận những thành tích đã đạt được trong 5 năm vừa qua.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH – CÔNG NỢ:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2013
A. Tình hình tài chính			
I. Tổng tài sản	đồng	286.279.880.144	234.156.556.491
1. Tài sản ngắn hạn	"	72.289.992.346	63.691.200.452
2. Tài sản dài hạn	"	213.989.887.798	170.465.356.039
II. Tổng nguồn vốn	"	286.279.880.144	234.156.556.491
III. Nợ phải trả	"	158.821.905.264	116.226.951.493
IV. Vốn chủ sở hữu	"	127.457.974.880	117.929.604.998
B. Kết quả hoạt động kinh doanh	"		
1. Tổng doanh thu	"	380.725.163.079	367.306.687.720
2. Tổng chi phí	"	360.643.194.599	352.388.194.160
2. Tổng lãi (+), lỗ (-)	"	20.081.968.480	14.918.493.560
3. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	"	15.307.818.209	11.242.604.976
C. Các chỉ tiêu đánh giá khác			
1. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán chung	Lần	1,8	2,0
- Khả năng thanh toán hiện hành	"	1,36	1,70
- Khả năng thanh toán nhanh	"	1,06	1,31
2. Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần	%	5,41%	4,20%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần	"	4,12%	3,17%

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7,01%	6,37%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	"	5,35%	4,80%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	"	14,15%	11,64%
3. Hệ số nợ (Nợ phải trả/Tổng TS)		0,55	0,50

III. ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH:

Năm 2015 dự báo tình hình kinh doanh tiếp tục gặp khó khăn, Công ty xây dựng kế hoạch năm 2015 dựa trên các kết quả năm 2014, dự báo tình hình thị trường trong và ngoài Tập đoàn, năng lực đội tàu công ty, các rào cản kỹ thuật của các kho, cảng dầu; Phân đầu nâng cao sản lượng vận tải cho các đơn vị ngoài hệ thống Petrolimex đồng thời tiết giảm chi phí hợp lý nhằm giữ thị trường kinh doanh ổn định và tăng trưởng.

Công ty xây dựng Kế hoạch kinh doanh có tính thực tế, khả thi như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2014	KẾ HOẠCH NĂM 2015	TỶ LỆ % KH2015/TH2014
1	Sản lượng:				
	- SL vận chuyển	M ³	1.763.965	1.848.060	105%
	- SL luân chuyển	M ³ .Km	806.965.201	843.553.760	105%
2	Tổng doanh thu:	Đồng	382.395.102.284	329.823.055.580	86%
	- Vận tải xăng dầu	"	329.122.761.403	302.859.055.580	92%
	- Sửa chữa, đóng tàu thủy	"	31.712.077.019	23.184.000.000	73%
	- Tài chính+TN khác	"	9.183.983.973	3.780.000.000	41%
3	Tổng chi phí:	Đồng	362.313.133.804	309.723.055.580	85%
4	Lợi nhuận:				
4.1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	20.081.968.480	20.100.000.000	100%
4.2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	15.307.818.209	15.678.000.000	102%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	"	13.714.852.779	13.700.000.000	100%
6	Vốn Điều lệ	"	108.172.380.000	142.000.000.000	131%
7	Tổng giá trị đầu tư	Tỷ đồng	70,4	170	241%
8	Thu nhập bình quân	đồng/th.ng	9.491.843	8.213.962	87%
9	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	%	14%	10%	72%
10	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8%	8%	100%
11	Tổng số lao động BQ	người	396	420	106%

2. Một số giải pháp chủ yếu:

2.1. Về kinh doanh:

- Phân đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ, Tập đoàn và Tổng công ty giao;
- Dựa vào nguồn lực của Tập đoàn, Tổng công ty để ổn định thị trường trong hệ thống Petrolimex, phát triển ra thị trường bên ngoài, từng bước nâng sản lượng và doanh thu ngoài ngành từ 30-40%/toàn Công ty.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải: đảm bảo chất lượng trong quá trình vận chuyển và giao nhận hàng hóa; Hao hụt hàng hóa không vượt quá định mức cho phép theo quy định.

- Các ngành dịch vụ xoay quanh trục chính là vận tải xăng dầu như: cơ khí sửa chữa tàu, súc rửa tàu, xử lý chất thải: khai thác tối đa nguồn lực trong nội bộ hệ thống Petrolimex, tăng cường tiếp thị mở rộng thị trường hàng hải.

2.2. Công tác tổ chức, cán bộ, lao động:

a) Công tác tổ chức: Năm 2015 là năm bản lề cho giai đoạn phát triển 2016-2020 bởi vậy công tác tổ chức phải đạt các mục tiêu sau:

- Nâng qui mô tổ chức sản xuất kinh doanh lên ở mức 150% so với qui mô hiện tại; với:
 - + Vốn điều lệ tăng lên khoảng 142 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 32% so với vốn điều lệ hiện tại;
 - + Tổng tài sản khoảng 450 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 57% so với Tổng tài sản năm 2014;
 - + Đầu tư tàu biển từ 5.000 – 10.000 DWT, tàu sông khoảng 1.600 tấn để thay thế các tàu già, trọng tải nhỏ.
- Đổi mới và xây dựng Bộ máy quản lý điều hành của một Công ty vận tải xăng dầu đường biển với tính chuyên nghiệp cao, đủ năng lực để mở rộng sản xuất kinh doanh ở trong nước và các nước trong khu vực Đông Nam Á (cho giai đoạn 2016-2020).

b) Công tác cán bộ và lao động:

- Tiếp tục thực hiện tuyển dụng, đào tạo, chọn lọc cán bộ, sỹ quan, thuyền viên để chuẩn bị nguồn nhân lực cho năm 2015 và giai đoạn phát triển 2016-2020.
- Bồi dưỡng, qui hoạch và xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành có trình độ, năng lực, đạo đức chuẩn bị nguồn cho nhiệm kỳ 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2025 của Công ty.
- Đổi mới cơ chế thực hiện chế độ chính sách, thu nhập cho người lao động để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển.

2.3. Công tác quản lý an toàn, pháp chế hàng hải:

- Duy trì thực hiện và nâng cao hiệu quả, chất lượng của Hệ thống QLAT theo tiêu chuẩn của Bộ luật ISM Code, các bộ luật, công ước và qui định hàng hải liên quan khác.
- Tổ chức giám sát, rà soát trong quá trình hoạt động sản xuất nhằm đảm bảo an toàn cả về con người, hàng hóa, phương tiện, đơn vị cơ sở sản xuất.

2.4. Công tác quản lý kỹ thuật:

- Xây dựng và hoàn thiện các quy trình quản lý, kế hoạch duy tu, bảo dưỡng cho từng con tàu, đảm bảo thỏa mãn quy phạm kỹ thuật theo tiêu chuẩn của Đăng kiểm Việt Nam và quốc tế.
- Thường xuyên tổ chức giám sát và rà soát công tác quản lý kỹ thuật, quản lý tàu nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.5. Công tác quản lý tài chính và đầu tư:

- Tuân thủ và áp dụng các chuẩn mực, các quy định về quản lý tài chính, đầu tư của Nhà nước, Tập đoàn, Tổng Công ty và Công ty nhằm tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả, bảo toàn vốn và phát triển Công ty.
- Tổ chức thực hiện tăng thêm vốn điều lệ khoảng 34 tỷ đồng để tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển, trẻ hóa đội tàu.
- Triển khai dự án đầu tư một tàu biển và một tàu sông như trình bày ở khoản 2.2a

Phần D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Ngày 12/4/2014 Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2014.

- Trong năm 2014, HĐQT có 04 phiên họp thường kỳ và có 06 lần lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản để ra Nghị quyết/quyết định.

- Ban hành 10 Nghị quyết HĐQT và các quyết định triển khai nghị quyết.

TT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
01	01/PJT-NQ-HĐQT	14/02/2014 (biểu quyết bằng văn bản)	- Thống nhất chủ trương bán thanh lý tàu sông Hàm Luông 01, Hàm Luông 03.
02	02/PJT-NQ-HĐQT	01/3/2014 (Phiên họp 13)	- Nội dung phê duyệt chương trình và tài liệu trình ĐHĐCĐ
03	03/PJT-QĐ-HĐQT	28/5/2014 (Phiên họp 14)	- Triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ: + Giao Kế hoạch Cty mẹ và PSC, phê duyệt định mức lao động, đơn giá tiền lương, SC lớn phương tiện vận tải, ban hành Điều lệ Cty. + Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng để tăng vốn Điều lệ
04	04/PJT-NQ-HĐQT	10/7/2014 (biểu quyết bằng văn bản)	- Nghị quyết/QĐ mua tàu Sông Châu 3 và thành Long Phú 18
05	05/PJT-NQ-HĐQT	14/8/2014 (Phiên họp lần thứ 15)	- Thông qua kết quả SXKD 6 tháng 2014 và một số công tác quản lý, điều hành Công ty. - Thống nhất chủ trương nghiên cứu phương án đầu tư tàu biển trên cơ sở các nguồn lực của Công ty
06	026/QĐ-HĐQT	01/10/2014	- Quyết định ban hành Quy chế quản lý công tác tổ chức và cán bộ.
10	06/PJT-NQ-HĐQT (QĐ số 022)	14/10/2014 (biểu quyết bằng văn bản)	- Chấm dứt hoạt động Chi nhánh xăng dầu Hoàng Diệu – Long An.
11	07/PJT-NQ-HĐQT	15/10/2014 (biểu quyết bằng văn bản)	- Thống nhất chủ trương bán thanh lý tàu sông Hàm Luông 12
12	08/PJT-NQ-HĐQT	23/10/2014 (Phiên họp lần thứ 16)	- Thông qua kết quả SXKD 9 tháng 2014 và một số công tác quản lý, điều hành Công ty. - Quyết định bán tàu sông Rạch Chiếc 01 (QĐ 027-24/10/2014: 900 triệu đồng).
13	09/PJT-NQ-HĐQT	18/11/2014 (biểu quyết bằng văn bản)	- Miễn nhiệm ông Nguyễn Quang Hiếu thôi làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 01/11/2014 để nghỉ hưu.
14	10/PJT-NQ-HĐQT	24/11/2014 (biểu quyết bằng văn bản)	- Chi cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng tiền, tỷ lệ 4% Vốn điều lệ.

2. Thay đổi cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cao:

a. Ông Nguyễn Tiến Dũng thôi làm thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2011-2015.

b. Ông Đặng Quang Tuấn – chức vụ Kế toán trưởng Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex làm Trưởng Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2011-2015.

c. Phê chuẩn việc: Ông **Phan Văn Kỳ** tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cho năm 2014.

d. Hội đồng quản trị có nghị quyết: Miễn nhiệm ông **Nguyễn Quang Hiếu** thôi làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 01/11/2014 để nghỉ hưu.

e. Hội đồng thành viên Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex có quyết định cử Bà **Đặng Thị Xuân Hương** làm thành viên nhóm đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex tại Công ty Pjtaco kể từ ngày 27/11/2014.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành.

- Tổng giám đốc có phân công, giao nhiệm vụ rõ ràng cho các phó Tổng giám đốc và có đánh giá kết quả thực hiện công việc. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định trong Quy chế quản lý của Công ty.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật;

- Hệ thống quản lý an toàn lao động tích hợp theo tiêu chuẩn của các tổ chức hàng hải quốc tế đã được triển khai áp dụng toàn công ty, qua đó góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT:

Theo nhận định của chuyên gia kinh tế, triển vọng của nền kinh tế Việt Nam năm 2015 được dự báo sẽ tăng trưởng cao hơn năm 2014, tuy nhiên nền kinh tế của chúng ta vẫn còn đối mặt với rất nhiều khó khăn. Năm 2015, cũng sẽ là năm thực sự khó khăn và thách thức với Công ty, khi sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp vận tải ngày càng gay gắt và quyết liệt. Trong bối cảnh này, Hội đồng Quản trị xác định giải pháp thực hiện:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh: Trên nền tảng thị trường Petrolimex, mở rộng khai thác thị trường bên ngoài; Đảm bảo chất lượng dịch vụ, thương hiệu, uy tín của Công ty; Hợp lý hóa phương án khai thác, tập trung vào việc thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh, cải tiến kỹ thuật, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đội tàu;

- Đối với hoạt động đầu tư: Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó tập trung vào các dự án đầu tư tàu biển chở dầu trọng tải dưới 10.000 DWT nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu của thị trường.
- Đối với công tác phát triển nguồn nhân lực: tiếp tục thực hiện chính sách tuyển dụng và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty; Chọn lọc, bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng và nghiệp vụ cho cán bộ, sỹ quan có năng lực, trình độ, có khả năng phát triển nhằm duy trì nguồn cán bộ quản lý cho Công ty.
- Đối với công tác quản trị tài chính: Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro; Chỉ đạo việc cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Công ty cho phù hợp với tình thực tiễn sản xuất kinh doanh.
- Chuẩn bị xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch cho nhiệm kỳ 2016-2020 theo định hướng sau: Đảm bảo duy trì mức độ tăng trưởng sản lượng bình quân mỗi năm từ 20%; Đảm bảo tổ chức kinh doanh có hiệu quả đạt lợi nhuận bình quân hàng năm tăng từ 5% trở lên; chia cổ tức tối thiểu mỗi năm từ 10%. Tăng vốn Điều lệ lên 200% - 300% để đáp ứng điều kiện kinh doanh, đảm bảo đủ năng lực tài chính đầu tư đổi mới đội tàu và phát triển Công ty theo nhu cầu thị trường.

Phần Đ. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (HĐQT):

1. Thành viên HĐQT: 05 người:

- Ông Phan Văn Kỳ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty, tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,29%

- Ông Nguyễn Quang Hiếu: Thành viên HĐQT (đến tháng 11/2014 nghỉ hưu) tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,24%

- Ông Phạm Việt Khoa : Thành viên HĐQT tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0%

- Ông Đỗ Văn Long : Thành viên HĐQT tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,33%

- Bà Đặng Thị Xuân Hương: Thành viên HĐQT tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,12%

2. Số thành viên HĐQT không điều hành: 02 người là Ông Nguyễn Quang Hiếu và Ông Phạm Việt Khoa

+ Ông Nguyễn Quang Hiếu hiện nay là Trưởng phòng Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, là thành viên của nhóm đại diện quản lý phần vốn Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex tại Công ty. Ông Nguyễn Quang Hiếu nghỉ hưu tháng 11/2014 và đã được Hội đồng quản trị miễn nhiệm.

+ Ông Phạm Việt Khoa hiện là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, là thành viên của nhóm đại diện quản lý phần vốn Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex tại Công ty.

- Khả năng thực hiện trách nhiệm của HĐQT: Hoàn thành tốt trách nhiệm được giao.

- Các tiêu ban trong HĐQT: Ban Tổng hợp thuộc Hội đồng quản trị có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT trong hoạt động của mình. Hội đồng quản trị cũng sử dụng bộ máy quản lý của Công ty mẹ và Thư ký Công ty thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT giao.

- Quyền lợi của thành viên HĐQT: không có giao dịch kinh doanh với Công ty.

II. BAN KIỂM SOÁT: 03 người trong đó 02 người không tham gia điều hành.

- Ông Đặng Quang Tuấn : Trưởng ban tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0%

- Ông Phạm Ngọc Sinh : Kiểm soát viên tỷ lệ nắm giữ cổ phần 2,02%

- 01 người tham gia bộ máy quản lý của Công ty là Ông Nguyễn Duy Hải: Kiểm soát viên, Trưởng phòng Khai thác tàu sông của Công ty, tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,12%

- Hoạt động của Ban Kiểm soát: Thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo điều lệ công ty và luật doanh nghiệp, thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty; Trưởng Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và có ý kiến đề xuất kịp thời cho Hội đồng quản trị.

III. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, phương án chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được tính như sau:

+ Thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bằng 20% mức lương của Tổng Giám đốc Công ty.

+ Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát bằng 20% mức lương bình quân của các Phó Tổng Giám đốc Công ty.

+ Thành viên Ban Kiểm soát thù lao được tính bằng 70% thù lao của Trưởng ban Kiểm soát.

STT	Diễn giải	Số người	Hệ số thù lao cho từng chức danh hàng tháng	Số tiền đã chi thù lao năm 2014 (đồng)
1	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	05		335.200.000
	CHỦ TỊCH HĐQT	01	20% lương TGD	96.000.000
	THÀNH VIÊN HĐQT	04	20% lương BQ Phó TGD	239.200.000
2	BAN KIỂM SOÁT	03		149.760.000
	TRƯỞNG BAN	01	20% lương BQ Phó TGD	62.400.000
	THÀNH VIÊN BKS	02	70% thù lao Trưởng ban BKS	87.360.000
	Tổng cộng	08		484.960.000

Phần E. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU
ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
322 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP. HCM

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 – 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Khái quát

Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước – Xi nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 16 ngày 11 tháng 08 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Văn Kỳ	Chủ tịch	
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Thành viên	
Ông Đỗ Văn Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Hiếu	Thành viên	Đến ngày 18/11/2014
Ông Phạm Việt Khoa	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Văn Kỳ	Tổng Giám đốc	
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hoàng Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2014

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban	Đến ngày 12/04/2014
Ông Đặng Quang Tuấn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12/04/2014
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên	
Ông Phạm Ngọc Sinh	Thành viên	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 14 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



PHAN VĂN KỶ
Tổng Giám đốc





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được lập ngày 14 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 16 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Cao Thị Hồng Nga

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0613-2013-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Minh Tiến

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0547-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. Tài sản ngắn hạn	100		72.289.992.346	63.691.200.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	22.210.007.113	21.309.274.337
1. Tiền	111		15.210.007.113	8.809.274.337
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	12.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.091.484.456	27.387.230.889
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	28.405.701.259	23.932.129.330
2. Trả trước cho người bán	132		913.747.675	415.664.507
3. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1.204.518.340	3.471.919.870
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(432.482.818)	(432.482.818)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	15.709.109.463	14.742.982.844
1. Hàng tồn kho	141		15.709.109.463	14.742.982.844
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.279.391.314	251.712.382
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		75.553.280	76.572.696
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.472.110.386	21.583.800
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	151.990.583	17.955.886
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	579.737.065	135.600.000
B. Tài sản dài hạn	200		213.989.887.798	170.465.356.039
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		213.651.585.798	170.095.659.864
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	213.539.660.769	170.095.659.864
- Nguyên giá	222		309.076.903.142	240.031.289.543
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.537.242.373)	(69.935.629.679)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	111.925.029	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	327.802.000	327.802.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		327.802.000	327.802.000
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		10.500.000	41.894.175
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		-	31.394.175
2. Tài sản dài hạn khác	278		10.500.000	10.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		286.279.880.144	234.156.556.491

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. Nợ phải trả	300		158.821.905.264	116.226.951.493
I. Nợ ngắn hạn	310		53.296.405.264	37.430.701.493
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	21.557.000.000	14.365.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	V.11	14.994.201.607	11.658.539.505
3. Người mua trả tiền trước	313		908.046.000	9.410.663
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.12	2.186.781.116	2.114.847.371
5. Phải trả công nhân viên	315		8.880.324.628	6.692.063.698
6. Chi phí phải trả	316		23.510.909	32.888.530
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	4.610.840.109	1.897.313.958
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		135.700.895	660.637.768
II. Nợ dài hạn	330		105.525.500.000	78.796.250.000
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	105.525.500.000	78.796.250.000
B. Vốn chủ sở hữu	400		127.457.974.880	117.929.604.998
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	127.457.974.880	117.929.604.998
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		108.172.380.000	96.599.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		518.666.555	518.666.555
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.961.771.307	5.317.421.307
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.665.122.482	4.102.992.233
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.140.034.536	11.391.504.903
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	500		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	540		286.279.880.144	234.156.556.491

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 14 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc









Lê Quang Vịnh

Nguyễn Thị Hiền

Phan Văn Kỳ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	371.541.179.106	354.861.358.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		371.541.179.106	354.861.358.333
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	335.334.743.773	327.129.476.186
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.206.435.333	27.731.882.147
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	983.780.460	1.384.317.504
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	8.093.565.317	5.353.458.843
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		6.896.208.384	4.299.600.624
8. Chi phí bán hàng	24		310.179.029	1.763.959.699
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.919.523.974	11.359.057.796
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.866.947.473	10.639.723.313
11. Thu nhập khác	31	VI.05	8.200.203.513	11.061.011.883
12. Chi phí khác	32	VI.06	2.985.182.506	6.782.241.636
13. Lợi nhuận khác	40		5.215.021.007	4.278.770.247
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	41		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.081.968.480	14.918.493.560
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	4.774.150.271	3.675.888.584
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.307.818.209	11.242.604.976
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			15.307.818.209	11.242.604.976
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	1.415	1.039

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 14 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Lê Quang Vịnh

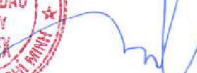
Trưởng phòng Kế toán



Nguyễn Thị Hiền



Tổng Giám đốc



Phan Văn Kỳ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.081.968.480	14.918.493.560
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	26.933.499.095	21.392.196.338
- Các khoản dự phòng	03	-	(737.721.968)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.119.000.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.273.895.636)	(5.139.604.421)
- Chi phí lãi vay	06	6.896.208.384	4.299.600.624
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	50.756.780.323	34.732.964.133
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.732.951.915)	(5.918.767.722)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(966.126.619)	(3.669.648.546)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.133.401.367	(9.041.322.070)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	32.413.591	116.818.803
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.731.311.250)	(3.864.120.834)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.666.551.884)	(4.349.045.941)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	144.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.401.185.844)	(1.702.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.424.467.769	6.448.577.823
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(70.489.425.029)	(133.095.039.437)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.298.545.455	3.769.090.910
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	975.350.181	1.370.513.511
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(66.215.529.393)	(127.955.435.016)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	48.914.250.000	106.161.250.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.176.940.000)	(13.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.045.515.600)	(48.742.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.691.794.400	93.112.507.980
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	900.732.776	(28.394.349.213)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.309.274.337	49.703.623.550
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	22.210.007.113	21.309.274.337

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 14 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc



Lê Quang Vịnh

Nguyễn Thị Hiền

Phan Văn Kỳ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 16 ngày 11 tháng 08 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Các công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy;
- Dịch vụ sửa chữa, nâng cấp phương tiện vận tải thủy, súc rửa tàu; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành; kinh doanh sửa chữa giàn khoan và các thiết bị dầu khí;
- Kinh doanh đại lý mua bán các sản phẩm dầu khí;
- Xây dựng, lắp đặt sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng, công trình thủy, kho xăng dầu; kinh doanh xăng dầu cho các tàu biển, tàu sông;
- Đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, lai dắt tàu biển; đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, tàu đánh cá; dịch vụ kho bãi, cầu cảng, bến neo đậu tàu;
- Sửa chữa thiết bị, phương tiện đánh bắt thủy sản; đại lý mua bán sản phẩm xăng dầu cho tàu, thuyền nước ngoài. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh); san lấp mặt bằng; dịch vụ súc rửa vệ sinh tàu dầu, thu gom xử lý cặn dầu, dầu lẫn nước (không xử lý tại thành phố Hồ Chí Minh); ứng cứu tàu tràn.
- Mua bán gas hóa lỏng; mua bán nguyên liệu chế phẩm dầu nhờn; mua bán kim loại màu, sắt thép, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư – thiết bị phục vụ ngành công – nông nghiệp (không hoạt động xuất nhập khẩu thiết bị ngành in, không mua bán thuốc bảo vệ thực vật), sản phẩm nông-lâm-thủy hải sản, phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán dụng cụ, quần áo bảo hộ lao động (trừ tẩy nhuộm), thiết bị phòng cháy chữa cháy; mua bán: than, gỗ, sản phẩm bằng gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ mây tre lá nứa, rượu (không kinh doanh dịch vụ ăn uống).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư nội bộ công ty, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của công ty tại đơn vị được đầu tư.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 11 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoại lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi lý giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	345.379.159	188.248.825
Tiền gửi ngân hàng	14.864.627.954	8.621.025.512
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	12.500.000.000
Cộng	22.210.007.113	21.309.274.337
2. Phải thu khách hàng		
Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	16.263.725.716	10.910.685.859
Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex	1.245.723.907	935.690.259
Công ty CP VT&DV Petrolimex Hải Phòng	2.330.337.896	211.332.235
Công ty TNHH ITV dầu khí TP. Hồ Chí Minh	1.187.760.514	3.656.054.259
Các khách hàng khác	7.378.153.226	8.218.366.718
Cộng	28.405.701.259	23.932.129.330
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu về hao hụt hàng hóa	106.309.082	205.665.349
Công Ty Bảo hiểm PJICO Gia Định	1.098.209.258	3.196.045.072
Phải thu khác	-	70.209.449
Cộng	1.204.518.340	3.471.919.870
4. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	14.934.992.899	14.152.073.653
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	774.116.564	294.918.221
Hàng hóa	-	295.990.970
Cộng giá gốc hàng tồn kho	15.709.109.463	14.742.982.844
5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế thu nhập cá nhân	151.990.583	17.955.886
Cộng	151.990.583	17.955.886
6. Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng	579.737.065	135.600.000
Cộng	579.737.065	135.600.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND					
Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	724.111.385	1.353.869.158	231.284.005.308	229.440.108	6.439.863.584	240.031.289.543
Số tăng trong năm	-	-	70.377.500.000	-	-	70.377.500.000
- Mua trong năm	-	78.730.158	1.253.156.243	-	-	1.331.886.401
- Thanh lý, nhượng bán	-	78.730.158	1.253.156.243	-	-	1.331.886.401
Số dư cuối năm	724.111.385	1.275.139.000	300.408.349.065	229.440.108	6.439.863.584	309.076.903.142
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	536.982.243	1.085.693.038	65.550.153.264	229.440.108	2.533.361.026	69.935.629.679
Số tăng trong năm	72.671.551	113.414.218	26.178.980.093	-	568.433.233	26.933.499.095
- Khấu hao trong năm	72.671.551	113.414.218	26.178.980.093	-	568.433.233	26.933.499.095
Số giảm trong năm	-	78.730.158	1.253.156.243	-	-	1.331.886.401
- Thanh lý, nhượng bán	-	78.730.158	1.253.156.243	-	-	1.331.886.401
Số dư cuối năm	609.653.794	1.120.377.098	90.475.977.114	229.440.108	3.101.794.259	98.537.242.373
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	187.129.142	268.176.120	165.733.852.044	-	3.906.502.558	170.095.659.864
Tại ngày cuối năm	114.457.591	154.761.902	209.932.371.951	-	3.338.069.325	213.539.660.769
					31/12/2014	01/01/2014
					179.633.062.591	124.417.246.267
					27.902.969.184	17.771.254.127

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình di dời lò đốt Phú Xuân	111.925.029	-
Cộng	111.925.029	-
9. Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư dài hạn khác	327.802.000	327.802.000
+ Đầu tư cổ phiếu Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp – 30.560 cổ phần	327.802.000	327.802.000
Cộng	327.802.000	327.802.000
10. Vay và nợ ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	21.557.000.000	14.365.000.000
Cộng	21.557.000.000	14.365.000.000
<i>(*): Số dư cuối năm khoản vay dài hạn đến hạn trả bao gồm:</i>		
<i>- Khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2015 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - CN Thăng Long theo hợp đồng vay số 084/2013/HDTDDH-PN/SHB.TL ngày 29/03/2013. Số đến hạn trả trong năm 2015 là 680.000 USD tương đương 14.569.000.000 VNĐ.</i>		
<i>- Khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng PGB - CN Sài Gòn theo hợp đồng vay số 0193.14.447/HDTDTTH-PN ngày 15/07/2014. Số đến hạn trả trong năm 2015 là 6.988.000.000 VNĐ.</i>		
11. Phải trả cho người bán		
Công ty xăng dầu KV 2-TNHH MTV	2.560.967.958	1.719.876.281
Công ty TNHH MTV VITACO Đà Nẵng	1.209.692.394	879.878.197
Công ty CP xăng dầu & DV hàng hải STS	-	1.130.137.586
Công ty TNHH Tấn Xuân	1.422.240.000	2.230.000.000
INTRA COMMERCIAL CORPORATION	1.177.407.019	-
Các đối tượng khác	8.623.894.236	5.698.647.441
Cộng	14.994.201.607	11.658.539.505
12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	563.264.288	862.093.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.623.516.828	1.004.554.285
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.649.156
Các loại thuế khác	-	244.550.000
Cộng	2.186.781.116	2.114.847.371



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
13. Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Kinh phí công đoàn	409.172.462	426.997.230
BHXH, BHYT và BHTN	49.656.609	85.664.193
Cổ tức phải trả	2.773.036.003	491.656.403
Chi phí lãi vay phải trả	600.376.924	435.479.790
Nộp dư phải thu về hao hụt hàng hoá	374.820.999	138.288.031
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	144.000.000	144.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	259.777.112	175.228.311
Cộng	4.610.840.109	1.897.313.958
14. Vay và nợ dài hạn		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	105.525.500.000	78.796.250.000
Trong đó: vay bằng ngoại tệ 3.050.000 USD #	65.346.250.000	78.796.250.000
Cộng	105.525.500.000	78.796.250.000
Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu sau:	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	21.557.000.000	14.365.000.000
Trong năm thứ hai	21.557.000.000	14.365.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	64.671.000.000	43.095.000.000
Sau năm năm	19.297.500.000	21.336.250.000
Tổng cộng	127.082.500.000	93.161.250.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở thuyết minh số 10)	21.557.000.000	14.365.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	105.525.500.000	78.796.250.000

(*): Vay dài hạn bao gồm các khoản vay của các ngân hàng sau:

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng số 084/2013/HĐTĐTDH-PN/SHB.TL ngày 29/03/2013 với số vay ban đầu là 4.410.000 USD nhằm đầu tư cho dự án mua tàu Long Phú 10 tải trọng 7.725 tấn. Thời hạn vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 08 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau thời gian ân hạn, nợ gốc được trả định kỳ 3 tháng/lần bắt đầu từ 05/01/2014. Khoản vay này áp dụng lãi suất cho vay USD thả nổi 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Ngân hàng PGB - CN Sài Gòn theo hợp đồng vay số 0193.14.447/HĐTĐT/TH-PN, ngày 15 tháng 07 năm 2014 với số vay ban đầu là 48.914.250.000 VND nhằm đầu tư cho dự án mua tàu Long Phú 18. Thời hạn vay là 7 năm. Lãi suất thả nổi, riêng kỳ đầu là 7,5%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
322 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	518.666.555	5.661.092.513	3.333.821.248	15.383.419.706	108.897.000.022
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Phát hành cổ phiếu thường	2.519.490.000	-	(2.519.490.000)	-	-	10.079.530.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.079.530.000	-	-	-	-	11.242.604.976
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	11.242.604.976
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(15.382.949.706)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	(10.079.530.000)
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.324.248.721	769.170.985	-	(2.324.248.721)
- Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	(769.170.985)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)
- Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(210.000.000)
Tặng/(Giảm) khác	-	-	(148.429.927)	148.429.927	-	(210.000.000)
Số dư cuối năm trước	96.599.020.000	518.666.555	5.317.421.307	4.102.992.233	11.391.504.903	117.929.604.998
Số dư đầu năm nay	96.599.020.000	518.666.555	5.317.421.307	4.102.992.233	11.391.504.903	117.929.604.998
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Phát hành cổ phiếu thường (*)	3.855.650.000	-	(3.855.650.000)	-	-	7.717.710.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	7.717.710.000	-	-	-	-	15.307.818.209
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	(15.559.288.576)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(7.717.710.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	-	-	1.500.000.000	-	-	(1.500.000.000)
- Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	562.130.249	-	(562.130.249)
- Quỹ dự phòng tài chính (*)	-	-	-	-	-	(1.452.553.127)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(4.326.895.200)
- Chia cổ tức bằng tiền (**)	-	-	-	-	-	11.140.034.536
Số dư cuối năm	108.172.380.000	518.666.555	2.961.771.307	4.665.122.482	11.140.034.536	127.457.974.880



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(* *Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 12/04/2014.*

Riêng việc tăng vốn trong năm: Theo nghị quyết nói trên, Công ty đã phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế để trả cổ tức với tỷ lệ 8% vốn điều lệ (tương đương 771.771 cổ phiếu) và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 4% vốn điều lệ (tương đương 385.565 cổ phiếu).

(**) *Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận 2014 (Tỷ lệ 4% VDL) theo Nghị quyết số 010/PJT-NQ-HĐQT ngày 24/11/2014 của Hội đồng Quản Trị.*

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2014		01/01/2014	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	51,22%	55.408.580.000	51,21%	49.471.960.000
Vốn góp của các đối tượng khác	48,78%	52.763.800.000	48,79%	47.127.060.000
Cộng	100%	108.172.380.000	100%	96.599.020.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	96.599.020.000	84.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	11.573.360.000	12.599.020.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	108.172.380.000	96.599.020.000
Cổ phiếu thưởng, cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.900.255.200	12.599.020.000
<i>Trong đó:</i>		
- Phát hành cổ phiếu thưởng	3.855.650.000	2.519.490.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	7.717.710.000	10.079.530.000
- Chia cổ tức bằng tiền	4.326.895.200	

d) Cổ phiếu	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.817.238	9.659.902
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	10.817.238	9.659.902
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.817.238	9.659.902
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.817.238	9.659.902

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	12.463.119.569	70.758.428.358
Doanh thu cung cấp dịch vụ	359.078.059.537	284.102.929.975
Cộng	371.541.179.106	354.861.358.333
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.284.492.615	68.590.455.796
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	323.050.251.158	258.539.020.390
Cộng	335.334.743.773	327.129.476.186
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	926.454.181	1.321.617.511
Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.896.000	48.896.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.430.279	13.803.993
Cộng	983.780.460	1.384.317.504
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	6.896.208.384	4.299.600.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.197.356.933	1.053.858.219
Cộng	8.093.565.317	5.353.458.843
5. Thu nhập khác		
Thu tiền bán phế liệu	85.833.908	500.952.001
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.301.090.909	3.769.090.910
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	4.771.080.986	5.204.227.966
Lãi chậm thanh toán	-	183.125.455
Thu nhập khác	42.197.710	1.403.615.551
Cộng	8.200.203.513	11.061.011.883

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán phê liệu	85.833.908	500.983.063
Chi phí thanh lý TSCĐ	2.545.454	-
Chi phí bồi thường	2.063.259.093	5.005.603.422
Chi phí truy thu thuế, phạt vi phạm hành chính	805.317.403	-
Chi phí khác	28.226.648	1.275.655.151
Cộng	2.985.182.506	6.782.241.636

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Từ năm tài chính 2014, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế, trước năm 2014 là 25%.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.081.968.480	14.918.493.560
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.618.714.567	(179.718.147)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.667.610.567	853.972.119
+ Chi phí không được khấu trừ	1.667.610.567	853.972.119
- Các khoản điều chỉnh giảm	(48.896.000)	(1.033.690.266)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(48.896.000)	(48.896.000)
+ Hoàn nhập chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(984.794.266)
Tổng lợi nhuận tính thuế	21.700.683.047	14.738.775.413
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.774.150.271	3.675.888.584

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.307.818.209	11.242.604.976
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	15.307.818.209	11.242.604.976
Số CP phổ thông lưu hành đầu năm	9.659.902	8.400.000
Ảnh hưởng của số CP phát hành trong năm nay	1.157.336	1.157.336
Ảnh hưởng của số CP phát hành trong năm trước	-	1.259.902
Số CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	10.817.238	10.817.238
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1.415	1.039

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(*): Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm trước và Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng và chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay (1.157.336 CP).

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.322.883.867	157.038.932.792
Chi phí nhân công	50.677.319.979	37.060.733.218
Chi phí khấu hao TSCĐ	26.933.499.095	21.392.196.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.306.286.388	52.488.003.413
Chi phí khác bằng tiền	2.614.323.987	3.133.585.766
Tổng cộng	337.854.313.316	271.113.451.527

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Trong năm 2014, Công ty đã phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ như sau:

		Năm nay
		VND
Tăng vốn cổ phần trong năm gồm:	- Phát hành Cổ phiếu thưởng	3.855.650.000
	- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	7.717.710.000
	Tổng cộng	11.573.360.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan Đơn vị tính: VND

Trong năm 2014, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Tập Đoàn Xăng dầu Việt Nam	Bên liên quan	Doanh thu vận tải	237.222.187.205
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	Công ty mẹ	Chia cổ tức bằng cổ phiếu Phát hành cổ phiếu thưởng Doanh thu sửa chữa tàu	3.957.750.000 1.978.870.000 544.660.000

Cho đến ngày 31/12/2014, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu / (phải trả)
Tập Đoàn Xăng dầu Việt Nam	Bên liên quan	Phải thu cước vận tải	16.263.725.716
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Bên liên quan	Phải trả về hao hụt hàng hóa	(37.793.256)
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả (4%) Phải thu về sửa chữa tàu	(2.216.343.200) 295.977.000

21388
 CÔNG T
 NHÌM H
 VỤ T U
 HINH K E
 KIỂM T
 AM VI
 TP. HC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng, tiền thù lao và các khoản phúc lợi khác	2.149.535.817	1.776.341.771
Cộng	2.149.535.817	1.776.341.771

2. Báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu, dịch vụ vận tải và dịch vụ sửa chữa, do đó báo cáo tài chính bộ phận trong năm được phân theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Kết quả kinh doanh theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Ngân VND

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận	12.463.120	329.122.761	31.625.237	373.211.118
Doanh thu giữa các bộ phận	-	(200.000)	(1.469.939)	(1.669.939)
Gía vốn	12.284.493	296.407.862	26.642.389	335.334.744
Lợi nhuận gộp	178.627	32.514.900	3.512.909	36.206.435
Chi phí bán hàng & CPQL	310.179	11.744.963	2.174.561	14.229.703
Kết quả hoạt động kinh	(131.552)	20.769.937	1.338.348	21.976.732
Doanh thu tài chính				983.780
Chi phí tài chính				8.093.565
Thu nhập khác				8.200.204
Chi phí khác				2.985.183
CP thuế TNDN				4.774.150
Tổng lợi nhuận sau thuế				15.307.818

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: Ngân VND

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa	Hợp nhất
Tài sản bộ phận	-	267.214.516	18.727.063	285.941.578
Các khoản đầu tư				327.802
Tài sản không phân bổ				10.500
Tổng Tài sản				286.279.880
Nợ phải trả bộ phận		147.694.077	6.381.287	154.075.364
Nợ phải trả không phân bổ				4.746.541
Tổng Nợ phải trả				158.821.905



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Ngàn VND

	Kinh doanh	Dịch vụ	Dịch vụ	Hợp nhất
	Xăng dầu	Vận tải	Sửa chữa	
Tổng doanh thu của bộ	70.758.428	259.695.828	27.990.975	358.445.231
Doanh thu giữa các bộ phận	-	(990.900)	(2.592.973)	(3.583.873)
Gía vốn	68.590.456	236.128.779	22.410.241	327.129.476
Lợi nhuận gộp	2.167.972	22.576.149	2.987.761	27.731.882
Chi phí bán hàng & CPQL	1.901.258	9.403.119	1.818.641	13.123.018
Kết quả hoạt động kinh	266.714	13.173.030	1.169.120	14.608.864
Doanh thu tài chính				1.384.318
Chi phí tài chính				5.353.459
Thu nhập khác				11.061.012
Chi phí khác				6.782.242
CP thuế TNDN				3.675.889
Tổng lợi nhuận sau thuế				11.242.605

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: Ngàn VND

	Kinh doanh	Dịch vụ	Dịch vụ	Hợp nhất
	Xăng dầu	Vận tải	Sửa chữa	
Tài sản bộ phận	693.315	215.459.304	17.634.241	233.786.860
Các khoản đầu tư				327.802
Tài sản không phân bổ				41.894
Tổng Tài sản				234.156.556
Nợ phải trả bộ phận		108.274.908	5.394.091	113.668.999
Nợ phải trả không phân bổ				2.557.952
Tổng Nợ phải trả				116.226.951

b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trong khu vực địa lý Việt Nam nên không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU
ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
322 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.210.007.113	21.309.274.337	22.210.007.113	21.309.274.337
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.177.736.781	26.971.566.382	29.177.736.781	26.971.566.382
Các khoản ký quỹ, ký cược	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	327.802.000	327.802.000	327.802.000	327.802.000
Cộng	51.726.045.894	48.619.142.719	51.726.045.894	48.619.142.719
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	127.082.500.000	93.161.250.000	127.082.500.000	93.161.250.000
Phải trả người bán và phải trả khác	19.195.869.254	13.128.856.233	19.195.869.254	13.128.856.233
Chi phí phải trả	23.510.909	32.888.530	23.510.909	32.888.530
Cộng	146.301.880.163	106.322.994.763	146.301.880.163	106.322.994.763

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản ánh xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM), hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2014 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được đo lường có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2014 và vào ngày 01/01/2014, như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TSCĐ hữu hình - Phương tiện vận tải	179.633.062.591	124.417.246.267
Cộng	179.633.062.591	124.417.246.267

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

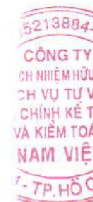
6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm	40.776.380.163	86.228.000.000	19.297.500.000	146.301.880.163
Các khoản vay	21.557.000.000	86.228.000.000	19.297.500.000	127.082.500.000
Phải trả người bán	14.994.201.607	-	-	14.994.201.607
Phải trả khác	4.201.667.647	-	-	4.201.667.647
Chi phí phải trả	23.510.909	-	-	23.510.909
Số đầu năm	27.526.744.763	57.460.000.000	21.336.250.000	106.322.994.763
Các khoản vay	14.365.000.000	57.460.000.000	21.336.250.000	93.161.250.000
Phải trả người bán	11.658.539.505	-	-	11.658.539.505
Phải trả khác	1.470.316.728	-	-	1.470.316.728
Chi phí phải trả	32.888.530	-	-	32.888.530



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ trọng yếu do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 14 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng Kế toán



Trưởng Giám đốc

Lê Quang Vinh

Nguyễn Thị Hiền

Phan Văn Kỳ

27

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY CP VTXD ĐT PETROLIMEX**



Phan Văn Kỳ

50